

Cương thường

"Văn-minh Đông-Á trời thu sạch;
Này lúc cương-thường đảo ngược ru"
Tản-Đà (1889-1939).

Cương: cái diềng lưới, dây chính ở cạnh lưới, kéo diềng thì mắc lưới mở ra (hay giềng mối, cái chảo lưới); điều cốt yếu. Thường: đức tính căn bản phải có, thường tình của con người.

Trong hai ngàn năm, người Việt chúng ta cũng như nhiều dân tộc khác ở đông Á sống trong những tiêu chuẩn xã hội phần lớn của Nho giáo: tam cương (tương quan vua-tôi, cha-con, vợ-chồng), ngũ thường (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Trong đời sống của phần lớn dân Âu Châu, cho đến thời cách mạng Pháp cuối thế kỷ thứ 18, giáo hội Thiên Chúa giáo cầm cân nảy mực (ví dụ "mười điều răn"). Cũng vậy, những giá trị Hồi giáo ngự trị ở những nước Trung Đông từ nhiều thế kỷ nay. Luật *sharia* chi phối đời sống chính trị, kinh tế, giới tính, pháp luật. Đáng để ý thú vị là *sharia* có nghĩa đen là "con đường" (way, path), tương tự như chữ "đạo" của chúng ta. Đối với người Việt, nội trong khoảng thời gian hơn một thế kỷ, đi từ xã hội quân chủ làng xã, qua xã hội chiến tranh ở đó sự tranh đấu để sống còn là quan trọng hơn cả, sau màn tre, màn sắt, rồi đến thời kỳ mở cửa cho nhóm người này, lưu vong cho nhóm kia. Chúng ta đã đổi thay các "bộ" giá trị, tiêu chuẩn xã hội của chúng ta bị phá đi rồi chưa kịp làm lại không biết bao nhiêu lần. Người di dân thì còn phải chấp nhận một bộ giá trị, tiêu chuẩn mới nơi định cư, đồng thời không ít thì nhiều cởi bỏ bộ giá trị mình mang theo.

Những thay đổi nhanh chóng như vậy trong các khung giá trị xã hội, hay sự thiếu vắng của các tiêu chuẩn, giá trị, kéo theo một số triệu chứng ở tầm mức xã hội cũng như cá nhân được gồm trong hội chứng "anomie" mà chúng ta sẽ bàn đến sau đây.

Từ điển Merriam-Webster định nghĩa *anomie* là "*bất ổn xã hội do sự tan rã của các tiêu chuẩn hay các giá trị. Ở mức cá nhân, anomie là sự bất an, sự tha hoá, trạng thái lưỡng lự do thiếu mục đích hoặc lý tưởng.*"

(Definition of ANOMIE: social instability resulting from a breakdown of standards and values; also : personal unrest, alienation, and uncertainty that comes from a lack of purpose or ideals)

Anomie là một từ được dùng từ năm 1933, gốc từ một từ Pháp cổ có nghĩa là vô luật lệ (nomos gốc Hy Lạp là luật lệ).

Trong mấy chục năm gần đây, với những tiến bộ về đời sống kinh tế xã hội, khá ngược đời là trong những xã hội hay những gia đình đang leo thang nhanh trên bậc thang vật chất và tiền bạc, có vẻ như chúng ta thấy thấp thoáng một tình trạng khá phổ quát của hiện tượng được gọi là anomie này. Một vấn đề liên hệ là, hiện nay, ở hầu hết những nước phát triển từng nhận di dân từ những vùng khác văn hoá, sự tha hoá của nhóm thế hệ thứ hai, chưa được hưởng trọn vẹn cuộc sống sung túc nơi đất mới và cũng chưa hấp thụ thật sự các giá trị và tiêu chuẩn của quê hương mới, cảm thấy bị tha hoá và do đó bị quyến rũ, lôi cuốn bởi các phong trào tôn giáo cực đoan từ xứ gốc, trở thành một vấn đề cho những nước từng mở rộng vòng tay chào đón.

Theo Encyclopedia Britannica (1), nhà xã hội học Pháp Émile Durkheim đề xướng từ này trong nghiên cứu về hiện tượng tự tử. Ông nghĩ rằng một loại tự tử (mà ông gọi là "anomic suicide") là kết quả của sự tan rã các tiêu chuẩn của xã hội cần thiết để điều hành hành vi (behavior) của con người. Khi một hệ thống xã hội ở trong tình trạng "anomie" (vô luật), những giá trị phổ quát và những ý nghĩa phổ quát không còn được hiểu và chấp nhận, trong lúc đó thì những giá trị

và ý nghĩa mới chưa được tạo nên, chưa được phát triển. Theo Durkheim, một xã hội như vậy tạo ra trong nhiều thành viên những trạng thái tâm lý với những điểm đặc trưng như cảm giác vô ích (futility), không có mục đích, và tình trạng trống rỗng về cảm xúc và tuyệt vọng. Phấn đấu được xem như là vô ích, vì không có định nghĩa nào được chấp nhận về những gì đáng cho mình ham muốn.

Nhà tâm lý học Robert K. Merton nghiên cứu về những nguyên nhân của "tình trạng vô luật" (anomie), hay "vô chuẩn" "vô qui tắc" (normlessness), và thấy rằng nặng nhất là ở những người không có phương tiện khả dĩ được chấp nhận để thực hiện những mục tiêu cá nhân. Những mục tiêu này có thể quan trọng đến mức, nếu những phương tiện từng được định chế hoá (nghĩa là những phương tiện có thể chấp nhận theo chuẩn mực của xã hội) thất bại, người ta có thể dùng đến những phương tiện bất hợp pháp. Đặt trọng tâm vào mục đích hơn là phương tiện để thực hiện mục đích đó tạo nên một sức stress dẫn tới sự gãy đổ của cấu trúc điều hoà xã hội đó- có nghĩa tình trạng anomie. Ví dụ nếu một xã hội thúc đẩy các thành viên phải trở nên giàu có nhưng lại không cung cấp những phương tiện thoả đáng để họ có thể làm giàu, sức ép này sẽ làm cho nhiều người vi phạm các chuẩn mực, các luật lệ. Những yếu tố điều tiết duy nhất sẽ là lòng hám tư lợi và nỗi lo sợ bị trừng phạt. Do đó ,hành vi về mặt xã hội sẽ trở nên bất trắc, không thể đoán trước được. Merton xác định một phổ các phản ứng đối với anomie:

1. đi từ việc tuân thủ theo xã hội (conformism, "ai sao mình vậy", "an phận thủ thường", ví dụ trong xã hội thời xưa, các ông đồ muốn vinh hoa phú quý thì phải chăm chỉ học hành, thuộc bài, đi thi viết đúng theo chính sách, không phạm huý để đỗ đạt làm quan; nếu ngông quá như Cao Bá Quát thì không thành công được);
2. đến canh tân xã hội (innovation): thay những tiêu chuẩn xã hội bằng những tiêu chuẩn tự mình đặt ra, đây là nguồn gốc chính của những hoạt động phạm pháp;
3. nghi thức chủ nghĩa (ritualism); chủ trương của những người theo khuôn khổ, "an phận thủ thường", làm những việc tầm thường, không có hy vọng "thăng quan , tiến chức" mà cũng không có cơ nguy mất mát, bảo đảm an toàn. Những người này là những người ít có nguy cơ đi vào vòng phi pháp nhất.
4. chủ nghĩa rút lui (retreatism): chối bỏ các mục tiêu được chấp nhận trong môi trường văn hoá của mình, như rút lui vào thói nghiện ngập, tránh dần thân vào các hoạt động hay tương quan xã hội. Sống "bên lề xã hội" hay "social dropouts", họ là những người xì ke , ma tuý, rượu chè, điên loạn; tuy nhiên họ cũng có thể là những người sắc dân thiểu số hầu như không thể hội nhập vào xã hội dòng chính.
5. cuối cùng, nổi loạn (rebellion). Đặc biệt nhóm này dùng bạo lực và khuynh hướng phá huỷ (violence and destruction). Thường họ chọn hay tạo nên một ý thức hệ khác, một "nhánh văn hoá" (subculture) để thế vào khung văn hoá chính dòng và có mặt trong những phong trào cực đoan, khủng bố. (2)

Sự phạm pháp, tội ác và tự tử là những phản ứng thường thấy trong "anomie".

Mặc dù quan niệm về anomie của Durkheim nói về một tình trạng mất chuẩn mực của một xã hội hay một nhóm xã hội (social group), một số tác giả khác dùng từ này để mô tả tình trạng của những cá nhân. Trong cách dùng này, anomie dùng để chỉ một cá nhân đã mất các chuẩn mực, mất ý thức về sự liên tục hay bổn phận (sense of continuity or obligation) và chối bỏ tất cả các ràng buộc với xã hội. Những cá nhân này có thể cảm thấy rằng những lãnh đạo trong cộng đồng họ hững hờ, vô tư (indifference) với nhu cầu của họ, rằng trên căn bản xã hội bất trắc và

không có trật tự, và những mục tiêu không thể thực hiện. Họ có thể thấy rằng mọi sự đều vô bổ và tin chắc rằng những người cùng làm việc sẽ chẳng giúp đỡ gì được cho họ” .(1)

Thế hệ thứ hai hay thứ ba của chúng ta có thể rơi trong tình trạng của "kẻ xa lạ" (từ của Albert Camus) do cảm giác "khập khiễng" hay "chênh vênh" nếu chúng không được hướng dẫn và hiểu biết về văn hoá Việt trong gia đình và trong cộng đồng di dân, đồng thời không hội nhập được hoàn toàn vào dòng chính Mỹ do các lý do sắc tộc, kinh tế chính trị hay văn hoá tín ngưỡng. Nếu như vậy, 5 loại phản ứng trước tình trạng anomie có thể xảy ra, ít nhất là ở mức cá nhân, đi từ chủ nghĩa rút lui cho đến nổi loạn ra mặt, điều đã xảy ra với chính chúng ta ở Việt Nam sau 1975, mà cũng không hiếm trong các nhóm thiểu số khác, lớn và mọc rễ còn lâu hơn cả chúng ta trên đất nước này, như người da đen hay người gốc Mỹ la tinh. Hiện tượng anomie nhắc nhở cho chúng ta điều mà cổ nhân từng nói, "con người ta không chỉ sống bằng bánh mì", mà còn cần, nhất là ở giới trẻ, những giá trị tinh thần, những tiêu chuẩn để chấp nhận và vươn tới, tương tự như hệ thống quy chiếu xã hội để có thể sống và phấn đấu một cách lành mạnh.

Tham khảo:

1) Encyclopedia Britannica:

Phỏng theo một đoạn từ tự điển bách khoa Encyclopedia Britannica giải thích khá cặn kẽ và súc tích về khái niệm anomie:

<http://www.britannica.com/EBchecked/topic/26587/anomie>

2) Beech, Brendon: Merton's 5 reactions to anomie (Academia.edu)

https://www.academia.edu/3289763/Mertons_5_reactions_to_anomie

Bác sĩ Hồ Văn Hiến

Ngày 27 tháng 2 năm 2015